

Bản án số: **72** /2020/DS-ST.

Ngày: 06/7/2020.

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Huỳnh Văn Dũng**.

+ Ông **Tống Văn Tư**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Bùi Quốc Hiền** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang:** không tham gia.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 80/2020/TLST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **Tăng Quang T**, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Anh **Lê Trung Đ**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Chị **Lê Thị Tố N**, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Tăng Quang T trình bày:

Do quen biết thân thích nên ngày 09/10/2016 anh có cho vợ chồng anh Đ và chị N vay 140.000.000đ không có viết biên nhận, anh Đ và chị N trả dần được 60.000.000đ đến năm 2019 còn nợ lại 80.000.000đ. Đến ngày 11/12/2019 anh tiếp tục cho anh Đ và chị N vay tiếp 100.000.000đ nữa, và có viết biên nhận nợ tổng cộng nội củ và mới là 180.000.000đ. Hai bên thỏa thuận là không tính lãi suất, và hẹn đến ngày 30/01/2020 (al) trả đủ. Nhưng đến hạn phía bị đơn không trả, anh T có đòi nhiều lần thì bị đơn cố tính lánh mặt cho đến nay. Nay anh T yêu cầu vợ chồng anh Đ và chị N liên đới trả cho anh 180.000.000đ vốn vay và trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Phần trình bày của bị đơn:

Anh Lê Trung Đ và chị Lê Thị Tố N dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện đòi nợ của anh T và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh chị cũng như yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án;

Nguyên đơn anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay với anh Đ và chị N có địa chỉ tại xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Xét về việc xét xử vắng mặt đương sự.

Anh Lê Trung Đ và chị Lê Thị Tố N là bị đơn trong vụ án, mặt dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của anh T đòi anh Đ và chị N trả tiền nợ 180.000.000đ tiền vay, và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần. Nhưng anh Đ và chị N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của anh, chị. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 xét xử vắng mặt anh Đ và chị N.

[2] Về nội dung vụ án:

- Anh T khởi kiện yêu cầu anh Đ và chị N trả 180.00.000đ tiền vốn vay chứng minh bằng biên nhận viết tay lập ngày 11/12/2019 có nội dung: “Cộng Hòa... Tờ Biên nhận- Vợ chồng tôi tên Lê Trung Đ, Lê Thị Tố N, cư ngụ số nhà 0728, Tổ 15, Ấp A, xã B-Cái Bè-Tiền Giang. Nguyên vào ngày mùng 9 tháng 10 năm 2016 (AL) có mượn của anh T số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) trả dần hàng tháng 5 triệu (Tiền lãi không đồng, không điều kiện) đến ngày 11 tháng 12 năm 2019 anh T có cho vợ chồng tôi mượn tiếp 100.000.000đ (Một trăm triệu) để làm ăn, đến ngày 30 tháng 01 (al) năm 2020 vợ chồng tôi phải trả hết số tiền trên tổng cộng là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn) tiền lãi 0 đồng, không điều kiện. Nếu đến ngày trên vợ chồng tôi không thực hiện đúng lời hứa thì tờ biên nhận này là bằng chứng trước pháp luật- An Hữu ngày 11 tháng 12 năm 2019 – nhằm ngày 16/11(al). Người viết biên nhận – Người mượn tiền- ký tên – ghi họ tên -Chồng Lê Trung Đ- Vợ Lê Thị Tố N...” . Theo anh T khai chữ ký tên và chữ viết họ tên Lê Trung Đ và chị Lê Thị Tố N là do chị N và anh Đ ký và viết vào biên nhận trước mặt anh khi nhận tiền vay.

Còn bị đơn anh Đ và chị N dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của anh T đòi anh chị trả 180.000.000đ tiền vay nhưng và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần nhưng anh chị vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh. Xem như anh chị từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi hợp pháp của anh chị trong vụ án này. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định là anh Đ và chị N còn nợ anh T 180.000.000đ tiền vay là có căn cứ.

- Xét yêu cầu anh Đ và chị N liên đới trả nợ:

Nhận thấy anh Đ và chị N là vợ chồng, vay tiền của anh T nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Mặt khác anh T khai là khi cho vay tiền là giao cho vợ chồng anh Đ và chị N. Còn anh Đ và chị N cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu của anh T. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T buộc anh Đ và chị N liên đới trả cho anh T số tiền còn nợ là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

- Xét yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật:

Nhận thấy tại giấy biên nhận nợ 11/12/2019 anh Đ và chị N cam kết đến ngày 30 tháng 01 (al) 2020 thì trả hết số tiền vay, nhưng đến nay không trả cho thấy anh Đ và chị N vi phạm nghĩa vụ cam kết ban đầu, là người có lỗi. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh Đ và chị N trả cho anh T toàn bộ số nợ còn lại một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T nên bị đơn anh Đ và chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm là 5% đối với số tiền vay. Tức là 180.000.000đ X 5% = 9.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Căn cứ vào Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tăng Quang T.

- Buộc anh Lê Trung Đ và Lê Thị Tố N liên đới trả cho anh Tăng Quang T số tiền vay còn nợ là 180.000.000đồng. (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Thời gian trả: Trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đ và chị N chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Đ và chị N liên đới chịu 9.000.000đồng (chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí 4.500.000đồng (Bốn triệu năm trăm đồng) theo biên lai số 0003198, ngày 04/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ, chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

PHẠM THANH DŨNG

